

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-PT
Ngày 13-4-2022
V/v Yêu cầu tuyên bố HĐ
CNQSD đất vô hiệu và yêu cầu
giải quyết hậu quả của hợp đồng
vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Anh Luyện.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Vân

Bà Đỗ Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Vương Thị Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 13-4-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLPT-DS ngày 20-01-2022 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu”. Do bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 15-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022 ngày 25-02-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vương Quang T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 248, đường Trường Chinh, tổ 2, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; số CMND: 073143724, ngày cấp 19-6-2015, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; Hôm nay có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thập H, sinh năm 1967; địa chỉ tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; số CMND: 073119568, ngày cấp 29/9/2006, nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang; Hôm nay có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam; Địa chỉ: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú – Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Dương – Giám đốc Chi nhánh Hà Giang; Địa chỉ: Tổ 9, đường Nguyễn Trãi, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo ủy quyền bà Hoàng Thị H, sinh năm 1984; Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý rủi ro; Chị Đỗ Thị Hương, sinh

năm 1987, chuyên viên phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang); Hôm nay có mặt.

- Bà Lê Thúy A, sinh năm 1972; địa chỉ tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; Hôm nay vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29-9-2019, anh Vương Quang T và ông Nguyễn Thập H cùng ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nội dung như sau: Ông H chuyển nhượng cho anh T mảnh đất thuộc quyền sử dụng của gia đình có diện tích 94 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 966603 do UBND tỉnh Hà Giang cấp ngày 29-3-1999 cho hộ ông Nguyễn Thập H; địa chỉ thửa đất: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 2.387.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng giữa anh T và ông H có sự tham gia của đại diện Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang (gọi tắt là Ngân hàng BIDV Hà Giang), các bên thỏa thuận thanh toán như sau:

Ngày 30-9-2019 (trước 09 giờ 30 phút) thanh toán 1.200.000.000 đồng. Ngày 15-10-2019 thanh toán 1.187.000.000 đồng, hình thức thanh toán là chuyển khoản Việt Nam đồng vào tài khoản của Hợp tác xã Huyền An (số tài khoản 345.10.00022255.1) tại Ngân hàng BIDV Hà Giang. Sau khi anh T nộp toàn bộ số tiền theo cam kết thì Ngân hàng BIDV Hà Giang sẽ tiến hành xuất hồ sơ tài sản bảo đảm để các bên hoàn thiện thủ tục pháp lý mua bán chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Mục đích ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T là để lấy tiền trả khoản nợ mà Hợp tác xã Huyền An (do ông Nguyễn Thập H là người đại diện theo pháp luật) đã vay của Ngân hàng BIDV Hà Giang từ năm 2016 đã đến kỳ trả nợ.

Theo thỏa thuận ngày 30-9-2019 anh T nộp 300.000.000 đồng vào tài khoản trung gian tại Ngân hàng BIDV Hà Giang (tài khoản số 280701003), với nội dung nộp tiền: *Vương Quang T nộp tiền mua tài sản cho HTX Huyền An giấy CNQSDĐ M966603*, cùng ngày anh T nộp 300.000.000 đồng vào tài khoản trung gian tại Phòng giao dịch Bắc Quang thuộc Ngân hàng BIDV Hà Giang (tài khoản số 28071998), với nội dung nộp tiền: *Vương Quang T chuyển trả tiền mua tài sản cho HTX H An*. Ngày 08-10-2019 anh T nộp 1.500.000.000 đồng vào tài khoản trung gian tại Phòng giao dịch Bắc Quang thuộc Ngân hàng BIDV Hà Giang (tài khoản số 28071998), nội dung nộp tiền: *Vương Quang T chuyển trả tiền mua tài sản cho HTX Huyền An*.

Sau khi chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng, anh T gọi điện bảo ông H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẽ nộp nốt số tiền còn lại. Ông H nói với anh T là bà Lê Thúy An (vợ ông H) không đồng ý chuyển nhượng phần đất đã ký kết nên không ký vào hợp đồng. Anh T yêu cầu Ngân hàng BIDV Hà Giang trả lại số tiền đã nộp vào tài khoản trung gian của Ngân hàng, thì Ngân

hàng nói đã chuyển sang trả nợ cho Hợp tác xã Huyện An, không trả lại được tiền và bảo anh T đi đòi ông H trả số tiền đã nộp. Anh T đòi tiền ông H thì ông H bảo khi nào có mới trả. Cho đến nay ông H và Ngân hàng BIDV Hà Giang vẫn chưa trả khoản tiền 2.100.000.000 đồng cho anh T.

Anh T khởi kiện đề nghị Tòa án T bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết ngày 29-9-2019 giữa ông H, anh T và Ngân hàng BIDV Hà Giang là vô hiệu. Yêu cầu Ngân hàng BIDV Hà Giang phải trả lại cho anh T số tiền là 2.100.000.000 đồng đã nộp vào tài khoản trung gian của Ngân hàng. Ngoài ra anh T yêu cầu ông H, Ngân hàng BIDV Hà Giang phải bồi thường thiệt hại tương ứng với phần lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Tháp H trình bày: ngày 29-9-2019 ông Nguyễn Tháp H, anh Vương Quang T cùng ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có sự tham gia của Ngân hàng BIDV Hà Giang là bên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ông H thừa nhận hợp đồng có nội dung, giá trị và các thỏa thuận ghi trong hợp đồng như lời trình bày của anh T là đúng. Ông H khai thêm trước khi ký kết hợp đồng, ông H và anh T có thỏa thuận với nhau là anh T nộp vào tài khoản Hợp tác xã Huyện An tại Ngân hàng BIDV Hà Giang cho ông H vay 600.000.000 đồng với mục đích để trả khoản nợ mà Hợp tác xã Huyện An (do ông Nguyễn Tháp H là người đại diện theo pháp luật) vay tại Ngân hàng BIDV Hà Giang đến kỳ trả nợ, để không bị nhảy nhóm và đưa vào nợ xấu. Anh T yêu cầu ông H phải làm hợp đồng chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất tại Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang thì mới đồng ý chuyển tiền cho ông H vay. Vì vậy mới có việc các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29-9-2019. Hợp đồng ký kết giữa ông H và anh T vào ngày 20-9-2019 thực chất là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu việc vay tiền. Ngày 30-9-2019 anh T đã chuyển 600.000.000 đồng vào Ngân hàng BIDV Hà Giang để trả nợ. Sau đó anh T chuyển tiếp số tiền 1.500.000.000 đồng ông H đã thông tin cho Ngân hàng BIDV Hà Giang là trả lại cho anh T. Sau đó không biết vì lý do gì mà Ngân hàng BIDV Hà Giang vẫn chuyển tiền trả nợ cho Hợp tác xã Huyện An. Ông H đồng ý trả khoản tiền anh T đã nộp vào Ngân hàng BIDV Hà Giang là 2.100.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông H đồng ý trả lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng đối với số tiền đã vay là 600.000.000 đồng; đối với số tiền 1.500.000.000 đồng ông H không nhất trí trả lãi mà chỉ trả tiền gốc. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Tháp H đề nghị T bố hợp đồng ký kết ngày 29-9-2019 giữa ông H và anh T, với sự tham gia của Ngân hàng BIDV Hà Giang là vô hiệu. Ông H không đồng ý bồi thường thiệt hại cho anh T vì ngay từ đầu hợp đồng này đã vô hiệu do giả tạo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đại diện Ngân hàng BIDV Hà Giang bà Hoàng Thị H trình bày: ngày 29-9-2019 anh Vương Quang T và ông Nguyễn Tháp H cùng ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông H tại tổ 1 thị trấn C, huyện X cho anh Vương Quang T, Ngân hàng BIDV Hà Giang tham gia vào hợp đồng với tư cách là bên có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các bên thỏa thuận ông H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T, anh T chuyển tiền vào tài khoản của Hợp tác xã Huyện An để Hợp tác xã Huyện An trả khoản nợ vay tại Ngân hàng BIDV Hà Giang từ năm

2016 đã đến hạn trả nợ. Sau khi ký kết hợp đồng, anh T đã chuyển tiền vào tài khoản trung gian của Ngân hàng như lời trình bày của anh T là đúng. Ngân hàng BIDV Hà Giang đã tiến hành thu nợ theo Hợp đồng ký kết giữa các bên là đúng quy định. Đại diện Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 02/2021/DS-ST ngày 15-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 điều 157, khoản 1 điều 165, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 117, khoản 2 Điều 119, Điều 122, Điều 131, khoản 5 Điều 321, Điều 407, Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 29, Điều 31, Điều 33, Điều 35 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 166, Điều 167 của Luật Đất đai; điểm a, b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vương Quang T về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu".

2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Thập H, bà Lê Thúy An, bên nhận chuyển nhượng anh Vương Quang T và bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang ký kết ngày 29-9-2019 là vô hiệu toàn bộ.

3. Buộc Hợp tác xã Huyện An phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang số tiền đã nhận là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm triệu đồng). Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang phải hoàn trả cho anh Vương Quang T số tiền đã chuyển vào tài khoản trung gian của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm triệu đồng).

4. Kể từ khi Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang trả cho anh Vương Quang T số tiền nhận từ Hợp tác xã Huyện An là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm triệu đồng). Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang được phép thu nợ Hợp tác xã Huyện An số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên và quy định của pháp luật.

5. Buộc ông Nguyễn Thập H có trách nhiệm bồi thường cho anh Vương Quang T số tiền 423.382.000 đồng (Bốn trăm hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn đồng) là thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu.

6. Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang có trách nhiệm bồi thường cho anh Vương Quang T số tiền 846.766.000

đồng (Tám trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) là thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu.

Ngoài ra còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 24-12-2021 Ông Nguyễn Thập H có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do ông H cho rằng bản án sơ thẩm không đúng về nội dung quan hệ tranh chấp, việc áp dụng pháp luật chưa chính xác, chưa xem xét đầy đủ và khách quan các căn cứ để giải quyết vụ án dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H không được đảm bảo.

-Về tố tụng Tòa án nhân dân (TAND) huyện X đã xác định sai tư cách tố tụng. Nguyên đơn Vương Quang T có yêu cầu “ T bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu”. Như vậy đối tượng cần xem xét là “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” được ký giữa Hợp tác xã Huyện An, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang và người mua là ông Vương Quang T. Bởi vậy, cần phải xác định Hợp tác xã Huyện An là bị đơn chứ không phải cá nhân ông Nguyễn Thập H.

- Hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu do giả tạo nhằm che dấu quan hệ vay tài sản nhưng TAND huyện X xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, do không đáp ứng được các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự là xác định chưa đúng quan hệ tranh chấp. Từ việc xác định sai quan hệ tranh chấp dẫn đến TAND huyện X áp dụng sai pháp luật để giải quyết vụ án gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân.

- Theo đơn anh T khởi kiện yêu cầu Ngân hàng BIDV trả số tiền 2.100.000.000 đồng và yêu cầu Ngân hàng cùng ông H bồi thường theo lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu là không đúng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 59, tờ bản đồ số 6, diện tích 94m², giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 2.387.000.000 đồng được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của HTX Huyện An tại ngân hàng. Do ông T và ông H có thỏa thuận riêng với nhau về việc ông T cho vay 600.000.000 đồng trả vào tài khoản của HTX Huyện An để tránh việc HTX bị nhảy nhóm nợ xấu nên bà Lê Thúy An không biết và cũng không được ký vào bản Hợp đồng chuyển nhượng này. Đến ngày 08-10-2019 ông T tự ý chuyển tiếp 1.500.000.000 đồng vào tài khoản của HTX Huyện An. Ông H không nhất trí vì thực tế chỉ thỏa thuận vay số tiền với anh T 600.000.000đ chịu lỗi số tiền đã vay.

- Về áp dụng pháp luật giải quyết vụ án không đúng, ông H cho rằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên nhằm che dấu hợp đồng vay tài sản là giả mạo dẫn đến hợp đồng vô hiệu, cần áp dụng các quy định pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản để giải quyết mới đúng.

Ngày 24-12-2021 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm liên quan đến phần T trách nhiệm của Ngân hàng BIDV Hà Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm T hủy bản án sơ thẩm với lý do bản án không phù hợp quy định pháp luật về xác định giao dịch dân sự và trách nhiệm dân sự trong quan hệ hợp đồng chuyển nhượng, sai lệch về vai trò của người chịu trách nhiệm

thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng và có người liên quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng.

Ngày 25-2-2022 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang bổ sung đơn kháng cáo có nội dung đối với số tiền 2.100.000.000 đồng, đã được ông H thừa nhận được trừ vào khoản nợ Hợp tác xã Huyện An (số tiền này đã được khấu trừ vào tổng số nợ của HTX tại ngân hàng) và đã được xem xét, giải quyết tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 22-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện X, Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 01/2021/QĐ-PT ngày 15-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, hiện nay bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng BIDV Hà Giang đã làm đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Hà Giang đề thi hành theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo ông Nguyễn Thập H và Đại diện Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ Luật tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số bản án số 02/2021/DS-ST ngày 15-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang giao về cho cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các bên đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vương Quang T khởi kiện yêu cầu Tòa án T bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 29-9-2019 giữa ông Nguyễn Thập H và anh Vương Quang T là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang thụ lý vụ án và giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật tại các Điều 26, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Trong thời hạn luật định bị đơn ông Nguyễn Thập H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang (gọi tắt là Ngân hàng BIDV Hà Giang) kháng cáo, nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại các Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thập H:

[4] Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở để khẳng định ngày 29-9-2019 giữa ông Nguyễn Thập H và anh Vương Quang T đã lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nội dung của hợp đồng là ông H, bà An chuyển nhượng cho anh T mảnh đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông H tại tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang, thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 06, diện tích đất chuyển nhượng là 94 m² (đất ở đô thị), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 966603 do UBND tỉnh Hà Giang cấp ngày 29-3-1999 cho hộ ông Nguyễn Thập H; giá trị chuyển nhượng thửa đất là 2.387.000.000 đồng. Hình thức thanh toán các bên thỏa thuận là chuyển khoản bằng tiền Việt Nam Đồng vào tài khoản của Hợp tác xã H An (số tài khoản 345.10.00022255.1) mục đích là để ông H lấy tiền trả khoản nợ mà Hợp tác xã H An (do ông Nguyễn Thập H là người đại diện theo pháp luật) đã vay của Ngân hàng BIDV Hà Giang từ năm 2016 đã đến kỳ trả nợ.

[5] Việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và anh T có đại diện Ngân hàng BIDV Hà Giang tham gia vì trước đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 966603 do UBND tỉnh Hà Giang cấp ngày 29-3-1999 cho hộ ông Nguyễn Thập H đã được ông H thế chấp tại Ngân hàng BIDV Hà Giang để bảo đảm cho khoản vay của Hợp tác xã Huyện An từ năm 2016. Do đó, các bên thỏa thuận là sau khi anh T nộp toàn bộ số tiền theo cam kết thì Ngân hàng BIDV Hà Giang sẽ tiến hành xuất hồ sơ tài sản bảo đảm để các bên hoàn thiện thủ tục pháp lý mua bán chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

[6] Tài sản mà các bên chuyển nhượng trong hợp đồng lập ngày 29-9-2019 giữa ông Nguyễn Thập H và anh Vương Quang T được xác định là quyền sử dụng đất, đây là tài sản chung của vợ, chồng ông H, bà An trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại, đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 966603 ngày 29-3-1999 cho hộ ông Nguyễn Thập H. Việc ông H sử dụng con dấu của Hợp tác xã đóng vào chữ ký của mình trong hợp đồng chuyển nhượng không làm thay đổi bản chất đối với tài sản chuyển nhượng; ông Nguyễn Thập H tự ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi chưa có sự đồng ý của đồng sở hữu là bà Lê Thúy An làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà An. Do vậy, Tòa án nhân dân (TAND) huyện X xác định ông Nguyễn Thập H là bị đơn trong vụ án và bà Lê Thúy An là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng.

[7] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thập H và anh Vương Quang T:

[8] Về nguồn gốc của diện tích đất thửa số 59, tờ bản đồ số 06, diện tích đất chuyển nhượng là 94 m² (đất ở đô thị), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 966603 do UBND tỉnh Hà Giang cấp ngày 29-3-1999 là tài sản chung của vợ, chồng ông Nguyễn Thập H và bà Lê Thúy An, việc ông H tự mình lập hợp đồng chuyển nhượng tài sản chung là quyền sử dụng đất cho anh T vào ngày 29-9-2019, trong khi hôn nhân còn tồn tại mà không có sự thỏa thuận, nhất trí của bà An là trái pháp luật, vi phạm Điều 26, Điều 29, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[9] Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 29-9-2019 giữa các bên là bất động sản nhưng chưa được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật là chưa tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức của hợp đồng.

[10] Từ phân tích nêu trên xét thấy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và anh T đã vi phạm điều cấm của luật. Tòa án cấp sơ thẩm T Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thập H và anh Vương Quang T lập ngày 29-9-2019 vô hiệu là có căn cứ.

[11] Ông Nguyễn Thập H và anh Vương Quang T đều biết tài sản chuyển nhượng là diện tích đất thửa số 59, tờ bản đồ số 06, diện tích đất chuyển nhượng là 94 m² (đất ở đô thị), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 966603 do UBND tỉnh Hà Giang cấp ngày 29-3-1999 cho hộ ông Nguyễn Thập H đang được thế chấp tại Ngân hàng BIDV Hà Giang để bảo đảm cho khoản vay của Hợp tác xã Huyện An từ năm 2016 (hợp đồng thế chấp số 01/2016/9130680/HĐBĐ ngày 29-10-2016). Theo quy định tại khoản 8 Điều 320 Bộ luật Dân sự thì ông H không được chuyển nhượng tài sản đã thế chấp, nhưng do ông H cần tiền để trả nợ cho Ngân hàng và được bên nhận tài sản thế chấp là Ngân hàng BIDV Hà Giang nhất trí cho ông H và anh T thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với thỏa thuận là: ông H, anh T, Ngân hàng BIDV Hà Giang thỏa thuận, nhất trí là sau khi anh T nộp toàn bộ số tiền theo cam kết trong hợp đồng để trả cho khoản vay của Hợp tác xã H An đã được thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất nói trên thì Ngân hàng BIDV Hà Giang sẽ tiến hành xuất hồ sơ tài sản bảo đảm để các bên hoàn thiện thủ tục pháp lý chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng BIDV Hà Giang như đã nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 321 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[12] Đối với quan điểm của ông H cho rằng ngày 08-10-2019 ông T tự ý chuyển tiếp 1.500.000.000 đồng vào tài khoản của HTX Huyện An là không có căn cứ, bởi khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng các bên đã thỏa thuận là ngày 30-9-2019 (trước 09 giờ 30 phút) thanh toán 1.200.000.000 đồng; ngày 15-10-2019 thanh toán 1.187.000.000 đồng, hình thức thanh toán là chuyển khoản Việt Nam đồng vào tài khoản của Hợp tác xã Huyện An. Do đó, việc anh T chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng vào tài khoản của HTX Huyện An là theo đúng thỏa thuận giữa các bên.

[13] Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thập H là không có căn cứ để chấp nhận.

[14] Đối với nội dung kháng cáo của Ngân hàng BIDV Hà Giang:

[15] Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định tại các đoạn [10][11] nêu trên đã có đủ cơ sở để khẳng định:

[16] Việc Ngân hàng BIDV Hà Giang tham gia vào giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thập H và anh Vương Quang T với tư cách là bên thứ ba (bên nhận tài sản thế chấp) là đúng với quy định tại khoản 5 Điều 321 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[17] Mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và anh T là để ông H lấy tiền trả nợ cho các khoản vay đã đến hạn trả của Hợp tác xã Huyện An (do ông H là người đại diện theo pháp luật) tại Ngân hàng BIDV Hà Giang; anh T đã chuyển tổng số tiền 2.100.000.000 đồng vào tài khoản trung gian của Ngân hàng BIDV Hà Giang vào các ngày 30-9-2019 và ngày 08-10-2019; về phía Ngân hàng BIDV Hà Giang sau khi nhận được tiền đã thực hiện việc chuyển tổng số tiền 2.100.000.000 đồng để trả cho khoản vay của Hợp tác xã Huyện An theo đúng thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29-9-2019; nguyên nhân dẫn đến hợp đồng không thực hiện được là do bà Lê Thúy An (vợ của ông H) không nhất trí chuyển nhượng tài sản chung của vợ chồng và không ký vào hợp đồng. Do đó, Ngân hàng BIDV Hà Giang không có lỗi.

[18] Tổng số tiền 2.100.000.000 đồng mà anh T đã chuyển vào tài khoản của Ngân hàng, đã được ông H thừa nhận đã được khấu trừ vào khoản nợ chung của Hợp tác xã Huyện An và đã được xem xét, giải quyết tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 22-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 01/2021/QĐ-PT ngày 15-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng BIDV Hà Giang đã làm đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Hà Giang để thi hành theo quy định của pháp luật.

[19] Từ phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của Ngân hàng BIDV Hà Giang là có căn cứ cần được chấp nhận.

[20] Căn cứ vào các đoạn [17], [18] Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng BIDV Hà Giang có lỗi dẫn đến hậu quả hợp đồng vô hiệu và quyết định ngân hàng phải trả cho anh Vương Quang T số tiền 2.100.000.000 đồng, đồng thời có trách nhiệm bồi thường cho anh Vương Quang T số tiền 846.766.000 đồng là không có căn cứ.

[21] Xác định lỗi dẫn đến hậu quả hợp đồng vô hiệu: khi giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông H biết rằng diện tích đất chuyển nhượng cho anh T là tài sản chung vợ, chồng có trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại giữa ông H và bà An, việc chuyển nhượng không có sự đồng ý, nhất trí của bà An là vi phạm pháp luật, nhưng ông H vẫn tiến hành ký kết hợp đồng vắng mặt bà An. Do đó, ông H phải chịu trách nhiệm chính phần lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu. Về phía anh T đã biết thửa đất thuộc quyền sử dụng chung của vợ, chồng ông H, bà An, trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tên bà An, bà An không có mặt, không ký vào hợp đồng, nhưng vẫn tiến hành giao kết hợp đồng và trả tiền theo hợp đồng cho ông H để mua bán quyền sử dụng đất, anh T cũng có một phần lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu.

[22] Từ phân tích trên xét thấy cần xác định ông H phải chịu 60% lỗi và anh T phải chịu 40% lỗi đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29-9-2019 bị vô hiệu.

[23] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: giao dịch dân sự giữa ông H và anh T vô hiệu nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên kể

từ thời điểm xác lập. Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự.

[24] Đối với tài sản mà các bên phải hoàn trả: đối tượng của hợp đồng là diện tích là 94 m² (đất ở đô thị), tại tô 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang. Diện tích đất này ông H và bà An vẫn đang quản lý, sử dụng, chưa được chuyển giao cho anh T nên không đề cập giải quyết.

[25] Đối với số tiền anh T đã chuyển vào tài khoản của ngân hàng theo thỏa thuận: quá trình thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 29-9-2019 theo thỏa thuận, anh T đã chuyển vào tài khoản của ngân hàng để trả nợ cho khoản vay của Hợp tác xã H An (do ông H là người đại diện theo pháp luật) tổng số tiền là 2.100.000.000 đồng; ông H xác nhận số tiền là 2.100.000.000 đồng của anh T chuyển vào ngân hàng đã được khấu trừ vào khoản nợ chung của Hợp tác xã H An tại Ngân hàng BIDV Hà Giang và đã được xem xét, giải quyết tại bản án số 01/2020/KDTM-ST ngày 27-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện X và hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của anh T cần buộc ông H phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.100.000.000 đồng cho anh T là đúng.

[26] Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu: theo quy định tại điểm c.1 tiêu mục 2.4 mục 2 phần I của Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16-4-2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm c.3 tiêu mục 2.3 mục 3 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, việc xác định thiệt hại do hợp đồng vô hiệu được căn cứ trên số tiền chênh lệch giữa giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm xác lập hợp đồng với giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm xét xử cụ thể như sau:

[27] Giá đất thỏa thuận tại thời điểm chuyển nhượng là 2.387.000.000 đồng.

[28] Giá đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 4.794.000.000 đồng.

[29] Số tiền chênh lệch là 4.794.000.000 đồng - 2.387.600.000 đồng = 2.406.400.000 đồng.

[30] Thiệt hại thực tế do hợp đồng vô hiệu: Theo thỏa thuận tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và anh T vào ngày 29-9-2019 thì giá trị của diện tích đất chuyển nhượng là 2.387.000.000 đồng; anh T thanh toán được 2.100.000.000 đồng. Như vậy, anh T đã thực hiện được 87,97% giá trị của hợp đồng. Thiệt hại thực tế phát sinh do giao dịch dân sự bị vô hiệu được xác định là 2.406.400.000 đồng x 87,97% = 2.116.910.000 đồng khoản tiền thiệt hại do trượt giá đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

[31] Căn cứ vào đoạn [29], [30] nêu trên xác định ông H, anh T phải chịu thiệt hại tương ứng với phần lỗi của mình dẫn đến Hợp đồng vô hiệu theo phần như sau: ông H phải chịu 2.116.910.000 đồng x 60% = 1.270.146.000 đồng; anh T phải chịu 2.116.910.000 đồng x 40% = 846.764.000 đồng. Do đó, cần buộc ông H phải bồi thường cho anh T số tiền là 1.270.146.000 đồng.

[32] Tổng số tiền ông Nguyễn Thập H phải bồi hoàn cho anh Vương Quang T là 2.100.000.000 đồng + 1.270.146.000 đồng tiền chênh lệch giá đất = 3.370.146.000 đồng.

[33] Về nghĩa vụ chịu chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá và các chi phí tố tụng khác: tổng số tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Theo quy định tại điểm c.3 tiểu mục 2.3 mục 3 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì các đương sự phải chịu chi phí tương ứng với phần nghĩa vụ của họ.

[34] Như vậy, số tiền chi phí tố tụng anh T phải chịu là 5.000.000 đồng x 40% = 2.000.000 đồng; ông Nguyễn Thập H phải chịu là 5.000.000 đồng x 60% = 3.000.000 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng, nên ông H phải hoàn trả cho anh T phần nghĩa vụ của mình.

[35] Tại phiên tòa phúc thẩm anh T cho rằng cấp sơ thẩm buộc anh T phải chịu một phần lỗi chuyển tiền không đúng thời gian chưa chính xác, đối với việc ngân hàng chuyển tiền của anh T vào tài khoản của Hợp tác xã H An để trừ nợ cho HTX H An là vi phạm pháp luật đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm đã T. HĐXX phúc thẩm xét thấy sau khi cấp sơ thẩm T án, anh T không có đơn kháng cáo phản quyết định của bản án đã T do vậy không xem xét.

[36] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện X không đưa Hợp tác xã Huyện An vào tham gia tố tụng nhưng phần quyết định lại T buộc Hợp tác xã Huyện An phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang số tiền đã nhận là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm triệu đồng) là vi phạm thủ tục tố tụng. Nhưng tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, HĐXX phúc thẩm xét thấy Hợp tác xã Huyện An không phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang số tiền là 2.100.000.000 đồng như cấp sơ thẩm đã T, nên không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của HTX Huyện An, không làm thay đổi nội dung, bản chất của vụ án. Do vậy không cần thiết phải hủy bản án dân sự sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[37] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về việc cho rằng về quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp sơ thẩm xác định chưa đầy đủ, cần đưa thêm người tham gia tố tụng, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 15-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện X vì không đưa HTX Huyện An vào tham gia tố tụng, là vi phạm thủ tục tố tụng. HĐXX phúc thẩm căn cứ vào phân tích ở đoạn [36] không chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đưa ra tại phiên tòa, để hủy bản án sơ thẩm.

[38] Từ các căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thập H là không có căn cứ, nên không được chấp nhận; chấp nhận nội dung kháng cáo của Ngân hàng BIDV Hà Giang sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 15-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang.

[39] Về án phí:

[40] Đối với án phí sơ thẩm: ông H phải án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật;

[41] Đối với án phí phúc thẩm: Ngân hàng BIDV Hà Giang không phải chịu án phí phúc thẩm; do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thập H; chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng BIDV Hà Giang sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 15-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 điều 157, khoản 1 điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 131, khoản 5 Điều 321, Điều 407, Điều 500, Điều 501, Điều 502 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 29, Điều 31, Điều 33, Điều 35 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 166, Điều 167 của Luật Đất đai; khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vương Quang T về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 29-9-2019 vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu".

2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Thập H, bà Lê Thúy A, bên nhận chuyển nhượng anh Vương Quang T, bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang lập ngày 29-9-2019 là vô hiệu toàn bộ.

3. Buộc ông Nguyễn Thập H phải bồi hoàn cho anh Vương Quang T địa chỉ: Số nhà 248, đường Trường Chinh, tổ 2, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; Tổng số tiền là 3.370.146.000 đồng (trong đó số tiền phải hoàn trả 2.100.000.000 đồng + số tiền phải bồi thường là 1.270.146.000 đồng).

4. Chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá và các chi phí tố tụng khác: anh Vương Quang T phải chịu 2.000.000 đồng (xác nhận anh T đã thi hành xong). Ông Nguyễn Thập H phải trả lại cho anh Vương Quang T địa chỉ: Số nhà 248, đường Trường Chinh, tổ 2, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang số tiền: 3.000.000 đồng.

Các khoản tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí:

+ Đối với dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thập H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch là 99.402.920 đồng. Tổng cộng là: 99.702.920 đồng.

Anh Vương Quang T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho anh Vương Quang T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Hà Giang theo biên lai số BB/2013/04554 ngày 28-12-2020.

+ Đối với án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thập H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0007520, ngày 05-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Hà Giang.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang 300.000 đồng theo biên lai số: 0007522, ngày 07-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Hà Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện X, tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện X, tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THA.DS huyện X, tỉnh Hà Giang;
- Lưu: VP, Tòa DS, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Anh Luyện

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa